

CHƯƠNG 3:
HIẾN PHÁP NƯỚC CHXHCN
VIỆT NAM NĂM 2013

1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam
2. Hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam
3. Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam
4. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

KHÁI QUÁT VỀ HIẾN PHÁP

1.1 Nguồn gốc Hiến pháp:

Hiến pháp thành văn là sản phẩm của cách mạng tư sản thành công, ra đời từ thế kỷ XVIII

1.2 Khái niệm Hiến pháp

- ❖ Là 1 văn bản có hiệu lực pháp lý cao nhất,
- ❖ Quy định vấn đề cơ bản về tổ chức quyền lực nhà nước,
- ❖ Xác định địa vị pháp lý của công dân

1.3 Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

- ❖ Là đạo luật cơ bản trong hệ thống pháp luật VN
- ❖ Bao gồm tổng thể các QPPL điều chỉnh các QHXH cơ bản và quan trọng
- ❖ Gắn với việc xác định chế độ chính trị,
- ❖ Chế độ kinh tế, chính sách văn hóa – XH, quốc phòng và an ninh, đối ngoại,
- ❖ Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân,
- ❖ Tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước.

KHÁI QUÁT VỀ HIẾN PHÁP

1.3 Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

- Trước năm 1945: Việt Nam không có Hiến pháp.
- Từ 1946 sau khi thành lập nhà nước cộng hòa đầu tiên - Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: Việt Nam có **5 bản HP**: HP năm 1946, 1959, 1980, 1992 (được sửa đổi vào năm 2001), 2013.
- **Hiến pháp 2013 có hiệu lực 1/1/2014**

KHÁI QUÁT VỀ HIẾN PHÁP

1.3 Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

- Ban hành ngày 31/12/1959
- Hiệu lực từ ngày 31/12/1959

- Ban hành ngày 15/4/1992
- Hiệu lực ngày 30/4/1992
- Được sửa đổi, bổ sung ngày 25/12/2001



Ban hành ngày 09/11/1946
Do tình hình chiến tranh, nên
chưa được chính thức công
bố và chưa từng có hiệu lực
về phương diện pháp lý

- Ban hành ngày 18/12/1980
- Hiệu lực từ ngày 18/12/1980

- Ban hành ngày 28/11/2013
- Hiệu lực từ ngày 01/01/2014

KHÁI QUÁT VỀ HIẾN PHÁP

Nội dung của Hiến pháp 2013

Quy định những vấn đề cơ bản nhất, quan trọng nhất:

1. Chế độ chính trị (chương 1)
2. Quyền con người, quyền & nghĩa vụ cơ bản của công dân (chương 2)
3. Chế độ kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường và bảo vệ tổ quốc (chương 3, 4)
4. Tổ chức bộ máy nhà nước. (chương 5 đến chương 10)

KHÁI QUÁT VỀ HIẾN PHÁP

Nội dung của Hiến pháp 2013

- Quốc kỳ:** hình chữ nhật, chiều rộng bằng hai phần ba chiều dài, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh.
- Quốc huy:** hình tròn, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh, xung quanh có bông lúa, ở dưới có nửa bánh xe răng và dòng chữ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Quốc ca:** là nhạc và lời của bài Tiến quân ca.

KHÁI QUÁT VỀ HIẾN PHÁP

Nội dung của Hiến pháp 2013



KHÁI QUÁT VỀ HIẾN PHÁP

4. Quốc khánh: là ngày 2/9/1945 (Tuyên ngôn độc lập).
5. Thủ đô: là Hà Nội.
6. Ngôn ngữ: tiếng Việt
7. Đơn vị hành chính lãnh thổ cấp tỉnh: 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
8. Dân tộc: 54 dân tộc
9. Dân số: 96.915.639 (16/01/2020)
10. Diện tích: 310.060 km².
11. Tôn giáo: Tín ngưỡng dân gian hoặc không tôn giáo (73.1%); Phật giáo (12.2%); Công giáo (6.9%); Cao Đài (4.8%); Tin Lành (1.5%); Hòa Hảo (1.4%); khác (0.1%)

KHÁI QUÁT VỀ HIẾN PHÁP

Hiệu lực của Hiến pháp

- Hiến pháp là văn kiện chính trị pháp lý quan trọng nhất,
- Là đạo luật gốc, quy định những vấn đề hết sức cơ bản của một Nhà nước...
- Là văn bản pháp luật có giá trị pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật. Mọi văn bản pháp luật khác không được mâu thuẫn với Hiến pháp, nếu không đều không có hiệu lực pháp luật.

KHÁI QUÁT VỀ HIẾN PHÁP

Hiệu lực của Hiến pháp

- Cơ quan ban hành: Hiến pháp do cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất – Quốc hội ban hành.
- Đề nghị ban hành/sửa đổi HP:

Chủ tịch nước, UBTQH, Chính phủ hoặc 1/3 tổng số đại biểu Quốc hội.

- HP được thông qua:

Khi có ít nhất 2/3 tổng số đại biểu quốc hội tán thành.

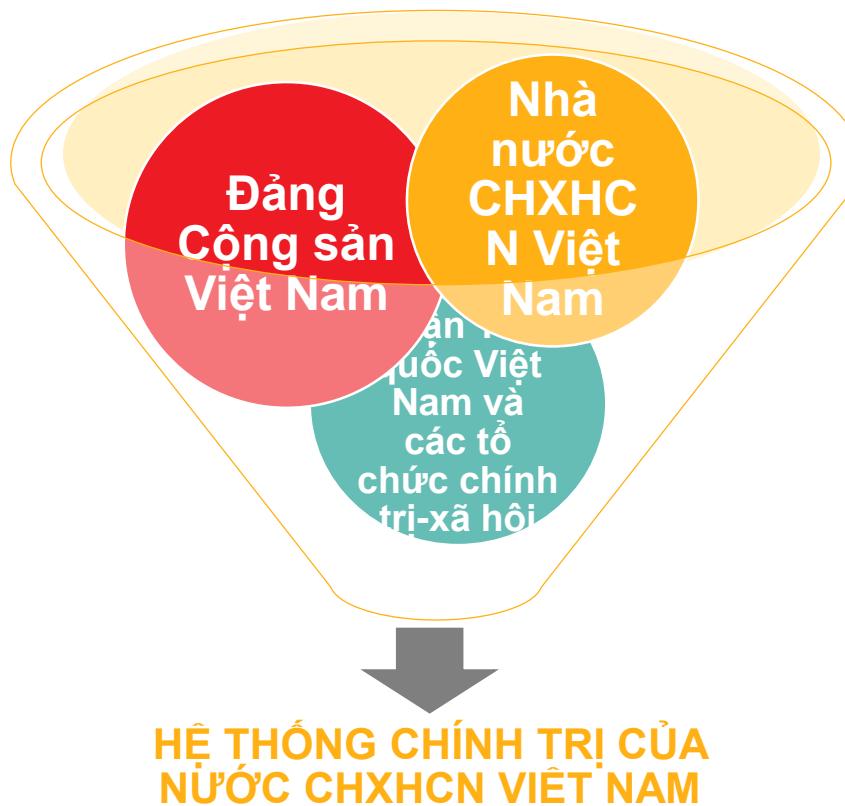
2. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

2.1 Khái niệm hệ thống chính trị:

- Là hệ thống các tổ chức, gồm: nhà nước, các đảng phái, các đoàn thể, các tổ chức xã hội chính trị
- Tồn tại và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật
- Mục đích duy trì và phát triển chế độ đó.

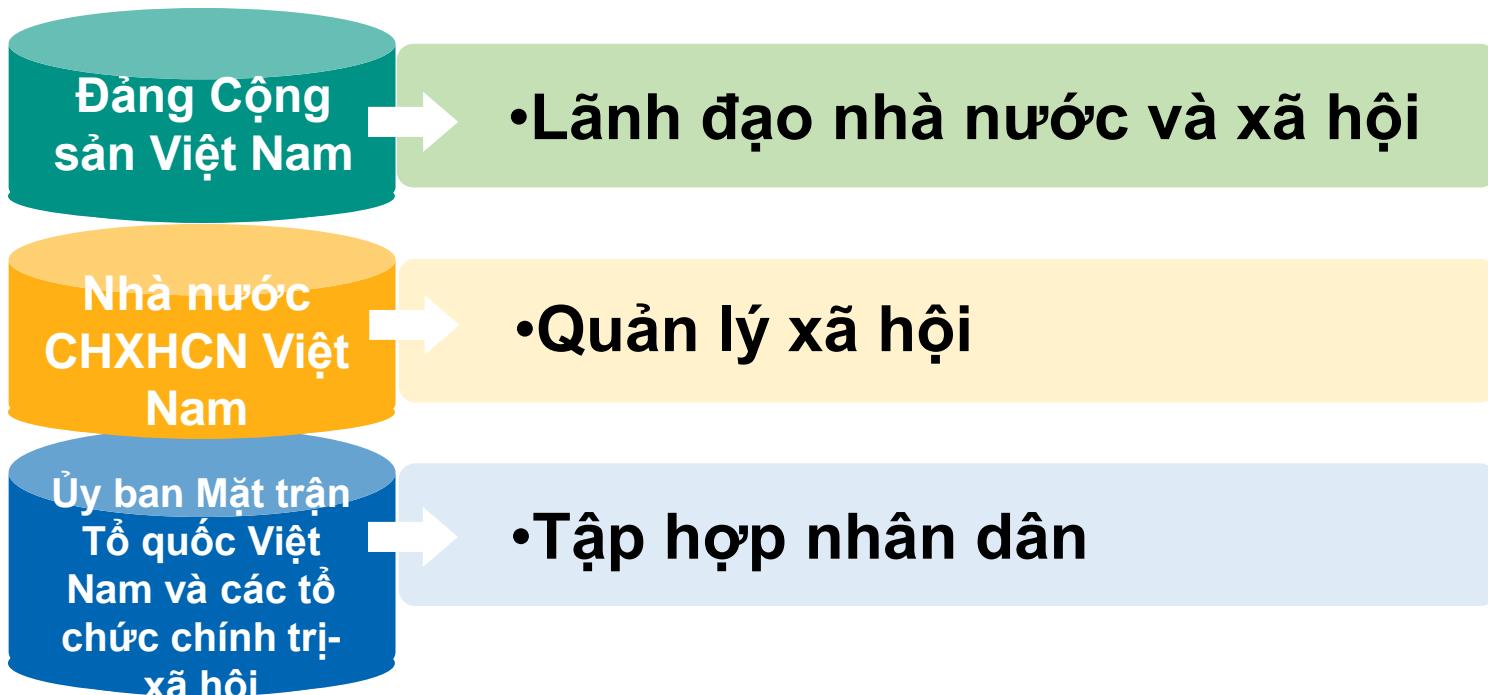
HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

3.2 Hệ thống chính trị của nước CHXHCN Việt Nam



HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

Hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam được hợp thành từ 3 tổ chức chính trị sau:



HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

NHÀ NƯỚC

là Nhà nước Pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

là trung tâm của hệ thống chính trị, thực hiện nhiệm vụ quản lý xã hội

bảo vệ quyền lợi cho giai cấp thống trị trong xã hội: giai cấp công nhân-nông dân-đội ngũ trí thức

Quyền lực NN là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan NN trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp

HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

Bản chất nhà nước CHXHCN Việt Nam:

“*Nước CHXHCN VN do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức*” (Điều 2 Hiến pháp 2013)

Tính giai cấp:

- Giai cấp thống trị trong xã hội VN là liên minh giai cấp công nhân – giai cấp nông dân – trí thức,
- Nhà nước Việt Nam do giai cấp thống trị thành lập ra
- Nhà nước Việt Nam bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị là nhân dân lao động

Tính xã hội:

- Nhân dân lao động chiếm số đông trong xã hội. Nhà nước bảo vệ số đông người trong xã hội
- Nhà nước theo Chủ nghĩa xã hội: thực hiện các nhiệm vụ, công việc vì cộng đồng, vì xã hội
- Nhà nước đại diện cho xã hội Việt Nam.

HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam

là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng

gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình.

Các tổ chức của Đảng và đảng viên ĐCSVN hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

UB MTTQVN (Điều 9)

là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài

là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân;

đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân;

tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội

giám sát, phản biện xã hội;

tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật

HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

UBMTTQ Việt Nam gồm nhiều tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp (**44**)... trong đó có **5 tổ chức chính trị-xã hội** quan trọng:

5 tổ chức chính trị-xã hội	
1. Công đoàn Việt Nam	Tập hợp công nhân
2. Hội nông dân Việt Nam	Tập hợp nông dân
3. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	Tập hợp thanh niên
4. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Tập hợp phụ nữ
5. Hội Cựu chiến binh Việt Nam	Tập hợp cựu chiến binh

3. Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam

3.1. Khái niệm Bộ máy nhà nước

- Là hệ thống các cơ quan nhà nước
- Từ trung ương xuống địa phương,
- Được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc chung thống nhất,
- Tạo thành một cơ chế đồng bộ
- Thực hiện chức năng và nhiệm vụ của nhà nước.

3.2 Nguyên tắc tổ chức và hoạt động:



3.3 Hệ thống đơn vị hành chính của nước CHXHCN Việt Nam

Điều 110.

Nước chia thành tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
Tỉnh chia thành huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh;
thành phố trực thuộc trung ương chia thành quận, huyện,
thị xã và đơn vị hành chính tương đương;

Huyện chia thành xã, thị trấn; thị xã và thành phố thuộc
tỉnh chia thành phường và xã; quận chia thành phường.

Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội thành lập.

Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam

63 tỉnh, thành phố
trực thuộc trung ương

•Xã
•Thị trấn



58
TỈNH

•Phường
•Xã



•Phường
•Xã



•Phường
•Xã



THỊ XÃ

QUẬN

•Phường

5 THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TW

HUYỆN

•Phường
•Xã

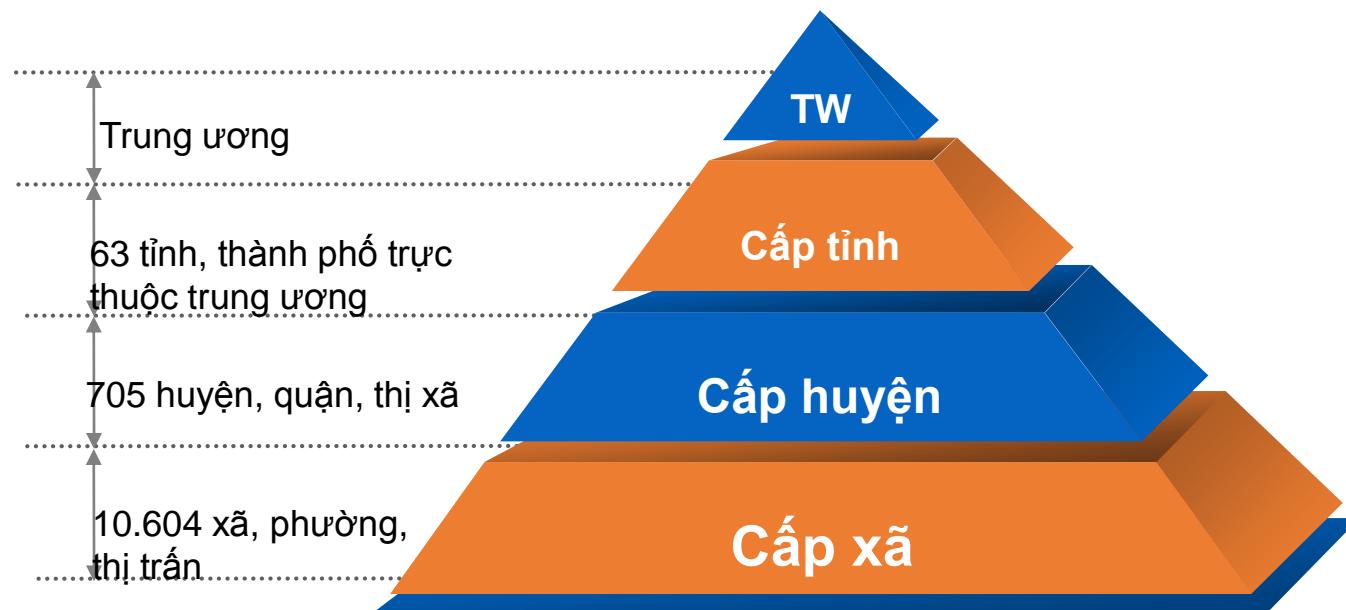
ĐVHC
tương
đương

PHƯỜNG

705 huyện, quận, thị xã

10.604 xã, phường, thị
trấn

Hệ thống đơn vị hành chính của nước CHXHCN Việt Nam



Cả nước chia thành các cấp: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.
(gọi chung là địa phương)

Hệ thống đơn vị hành chính của nước CHXHCN Việt Nam

Trung ương

Nước

Cấp tỉnh
(63)

Tỉnh

TP trực thuộc TW

Cấp huyện
(705)

Huyện

Towns

Thành phố thuộc tỉnh

Quận

Huyện

Thị xã

Đơn vị hành chính tương đương

Cấp xã
(10.604)

Thị trấn

Xã

Xã

Wards

Phường

Xã

Phường

Xã

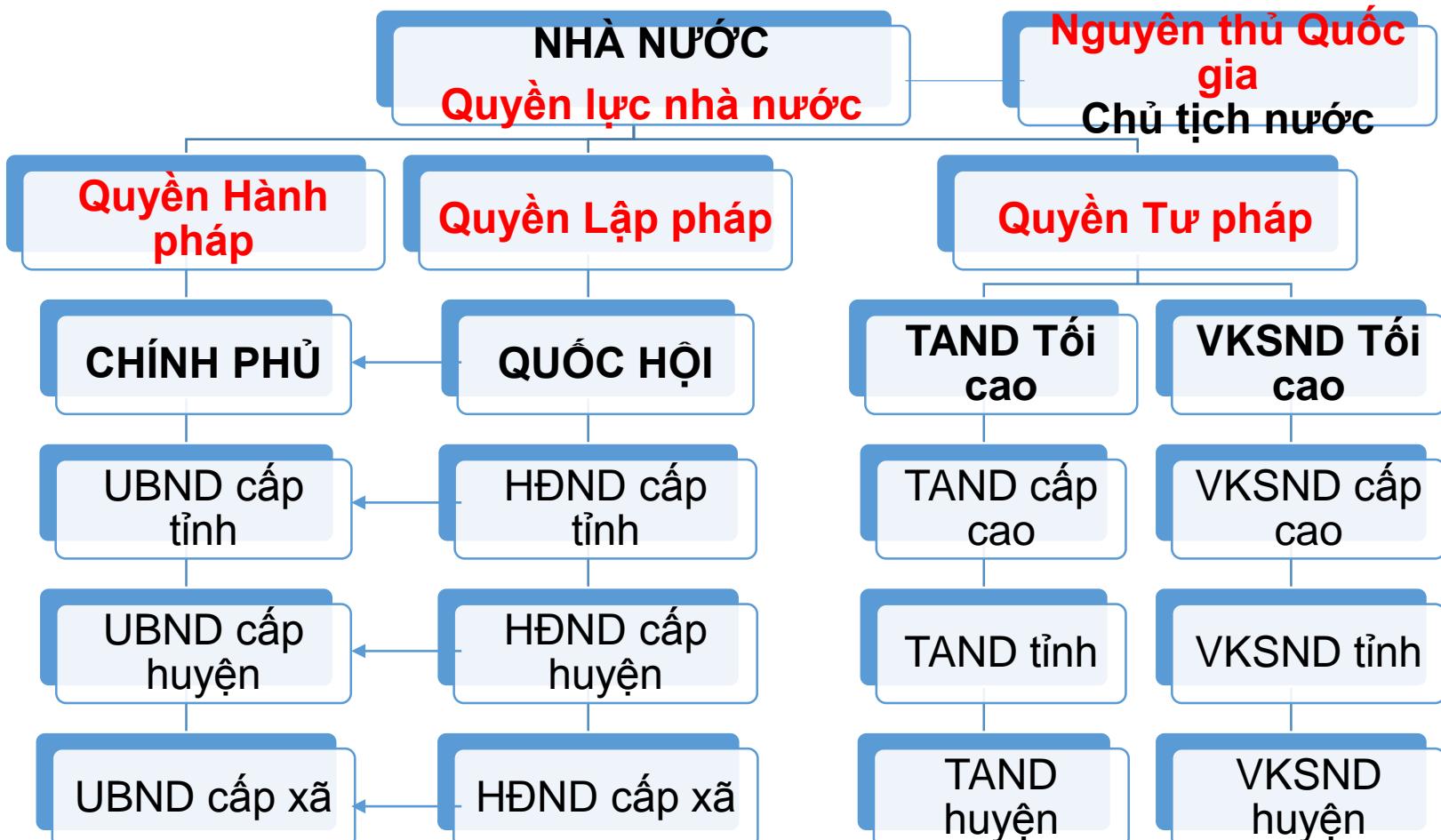
Thị trấn

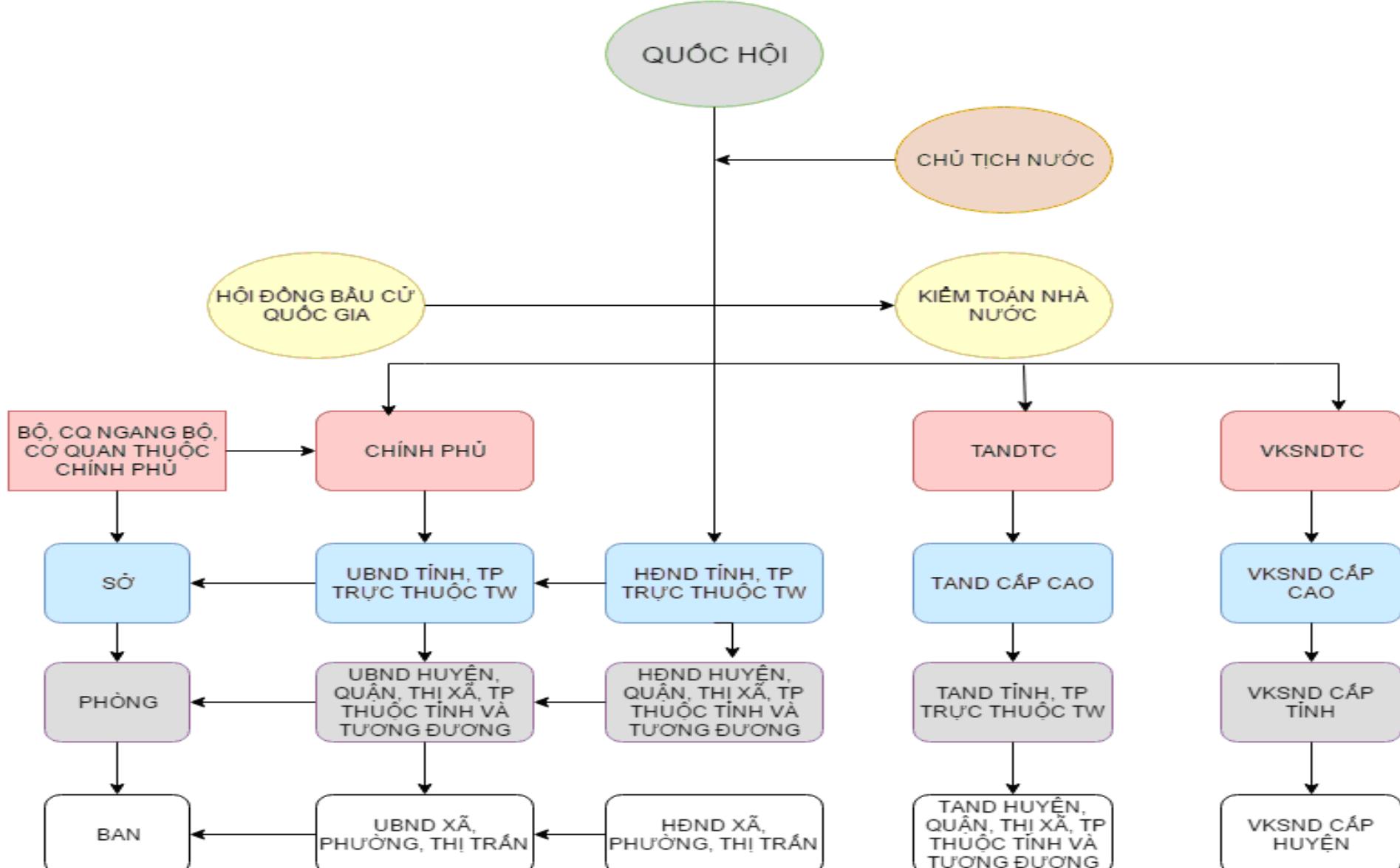
Xã

Phường

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

3.4 Các cơ quan trong bộ máy nhà nước:





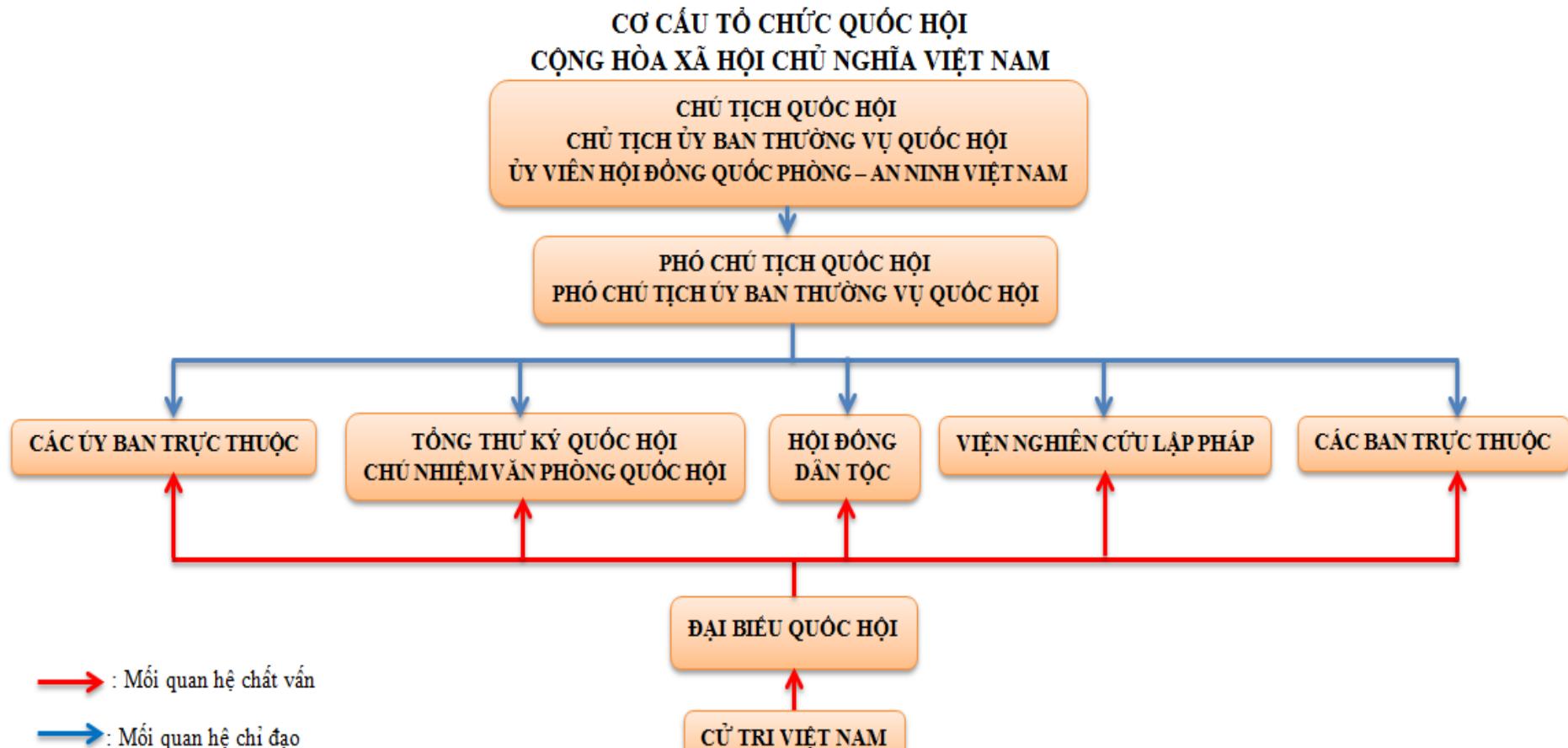
Theo hiến pháp 2013

QUỐC HỘI VIỆT NAM

QUỐC HỘI NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

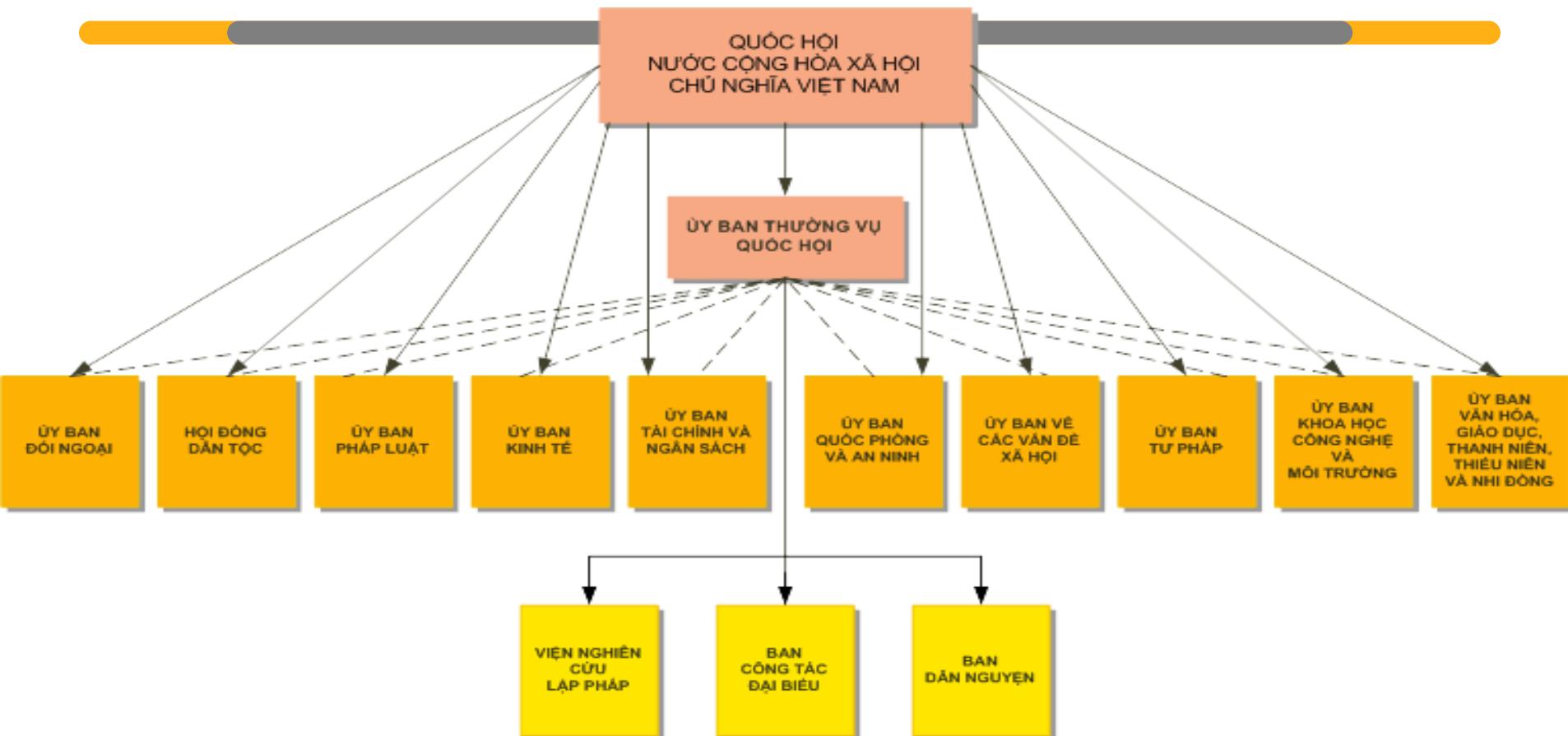


QUỐC HỘI NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM



QUỐC HỘI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

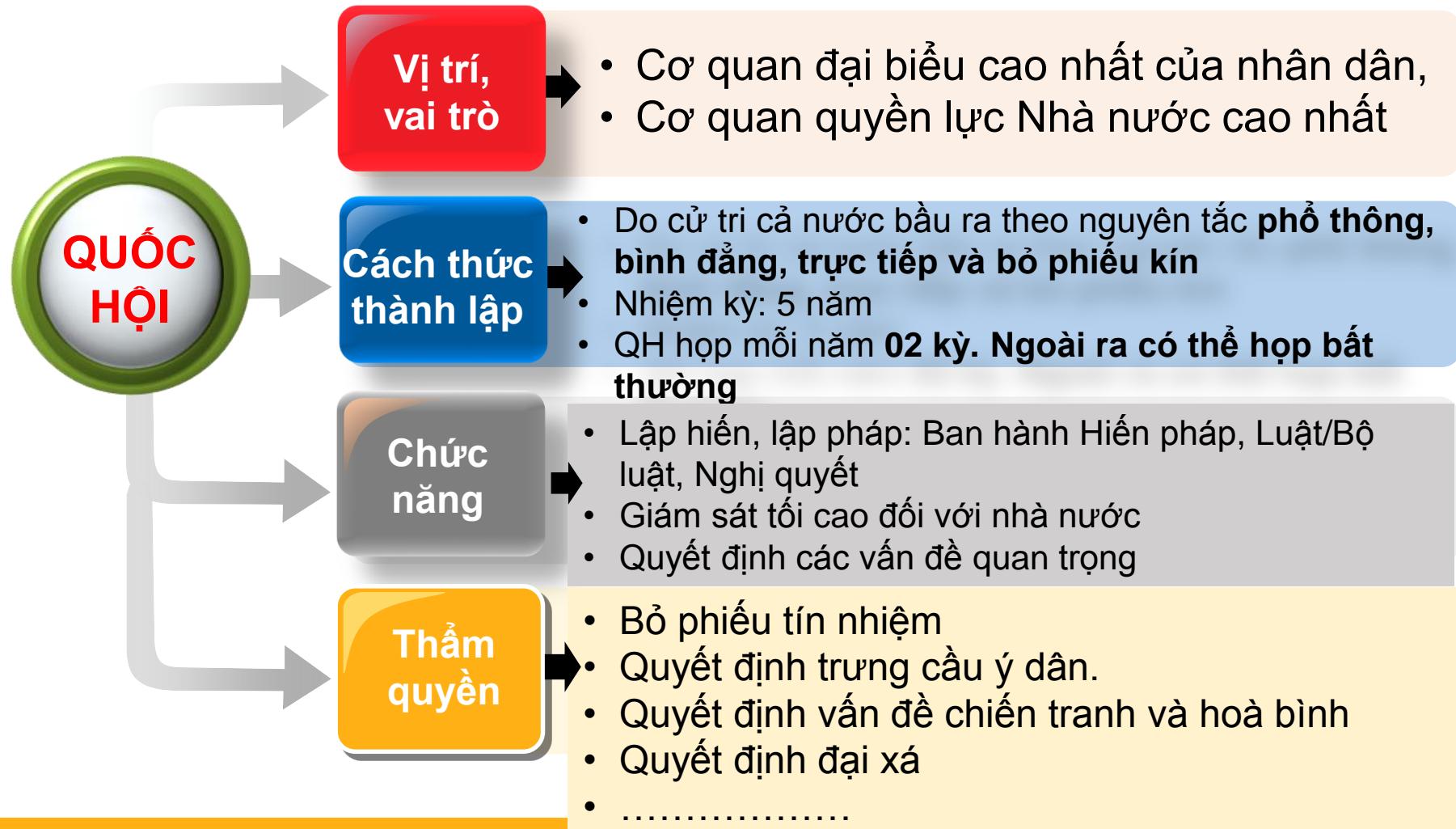
QUỐC HỘI NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM



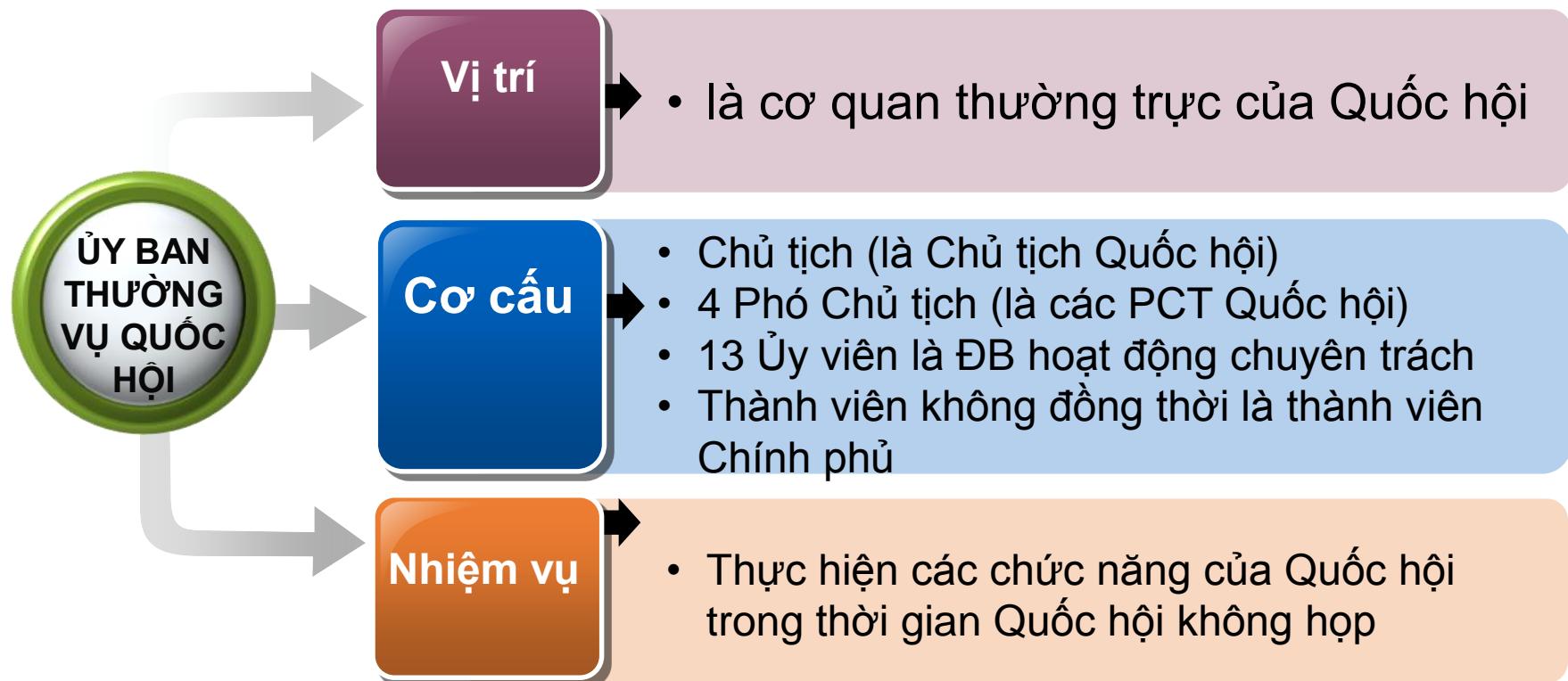
Chú thích:

- Chịu sự chỉ đạo trực tiếp: _____
- Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động: _____

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM



ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI



Đại biểu Quốc hội

là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước

được cử tri bầu ra tại các đơn vị bầu cử, chịu trách nhiệm trước cử tri bầu ra mình và trước cử tri cả nước

Số lượng không quá 500 người

Nhiệm kỳ: 5 năm

bị cử tri hoặc Quốc hội, HĐND bãi nhiệm khi không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân

Chức danh bắt buộc là đại biểu Quốc hội: Chủ tịch nước; Phó Chủ tịch nước; Thủ tướng Chính phủ

CHỦ TỊCH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Là người đứng đầu Nhà nước

Thay mặt Nhà nước về đối nội và đối ngoại

Do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội

Công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh

Quyết định đặc xá

Chủ tịch nước
VÕ VĂN THƯỜNG



CHỦ TỊCH NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

Tiếp nhận đại sứ, bổ nhiệm, miễn nhiệm, phong hàm, cử đại sứ, triệu hồi đại sứ...

Kí kết, phê chuẩn Điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước.

Thống lĩnh các lực lượng vũ trang nhân dân

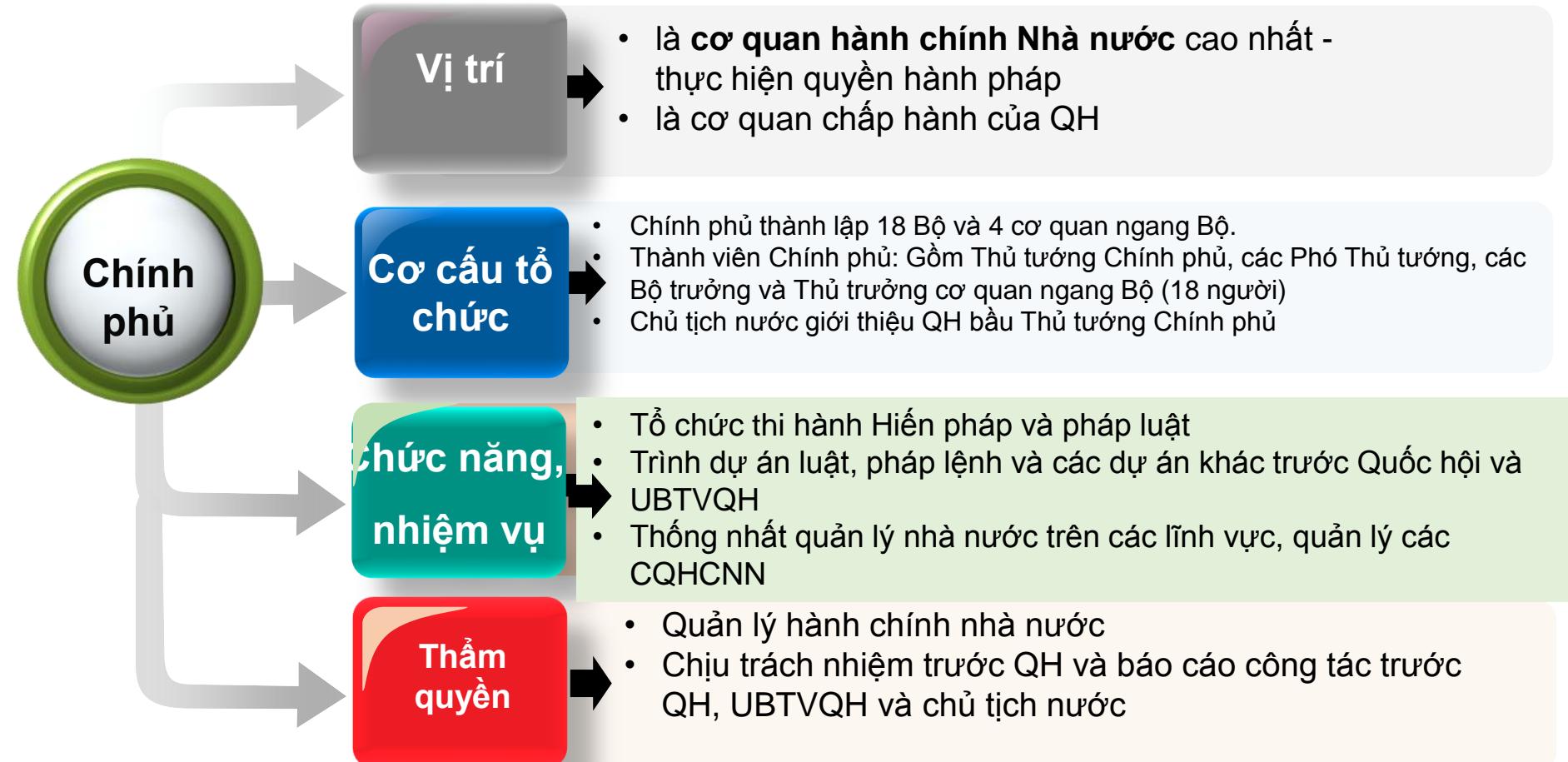
Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng, chánh án TANDTC, Viện trưởng VKSNDTC

Chủ tịch nước
VÕ VĂN THƯỜNG

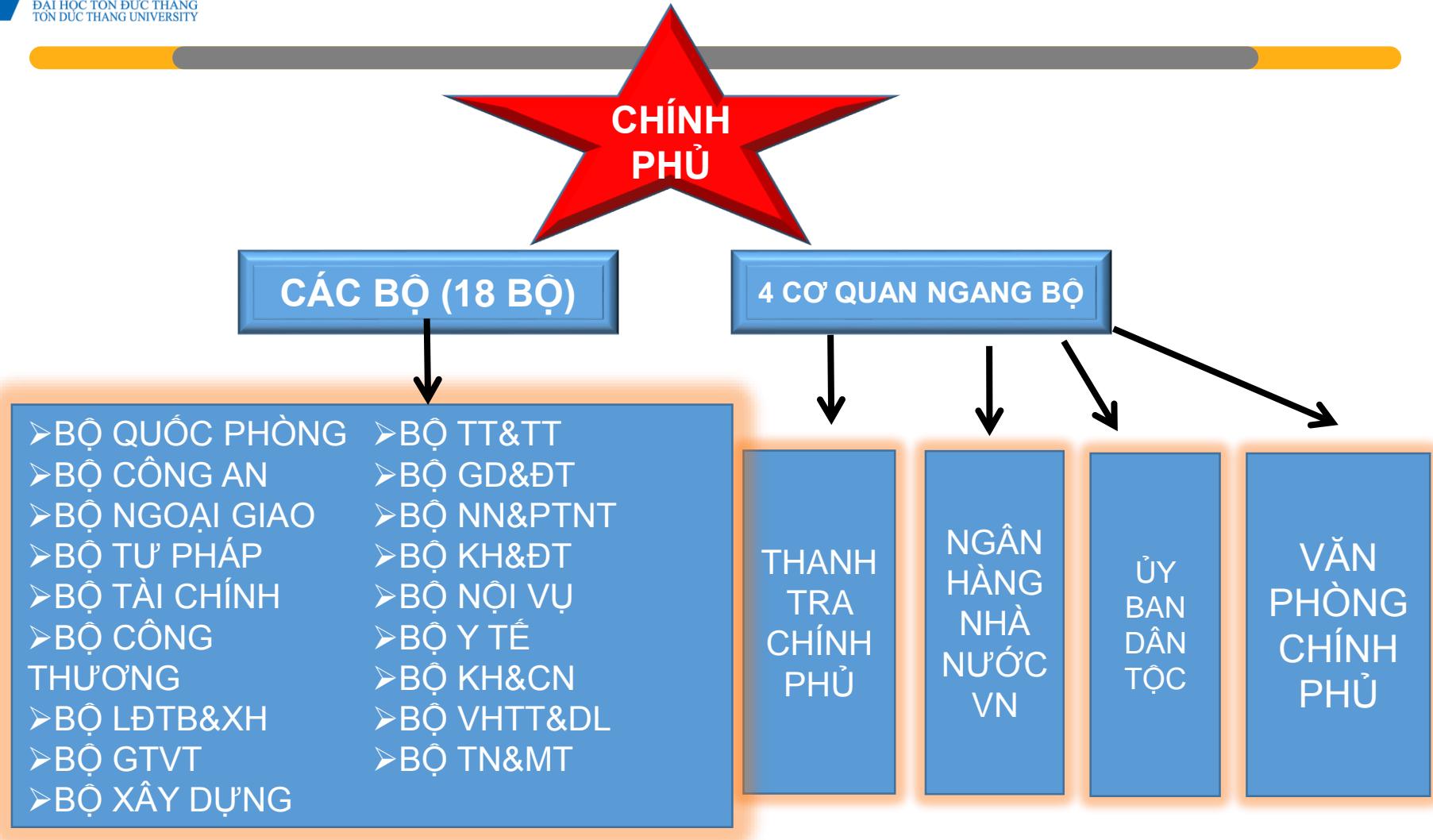


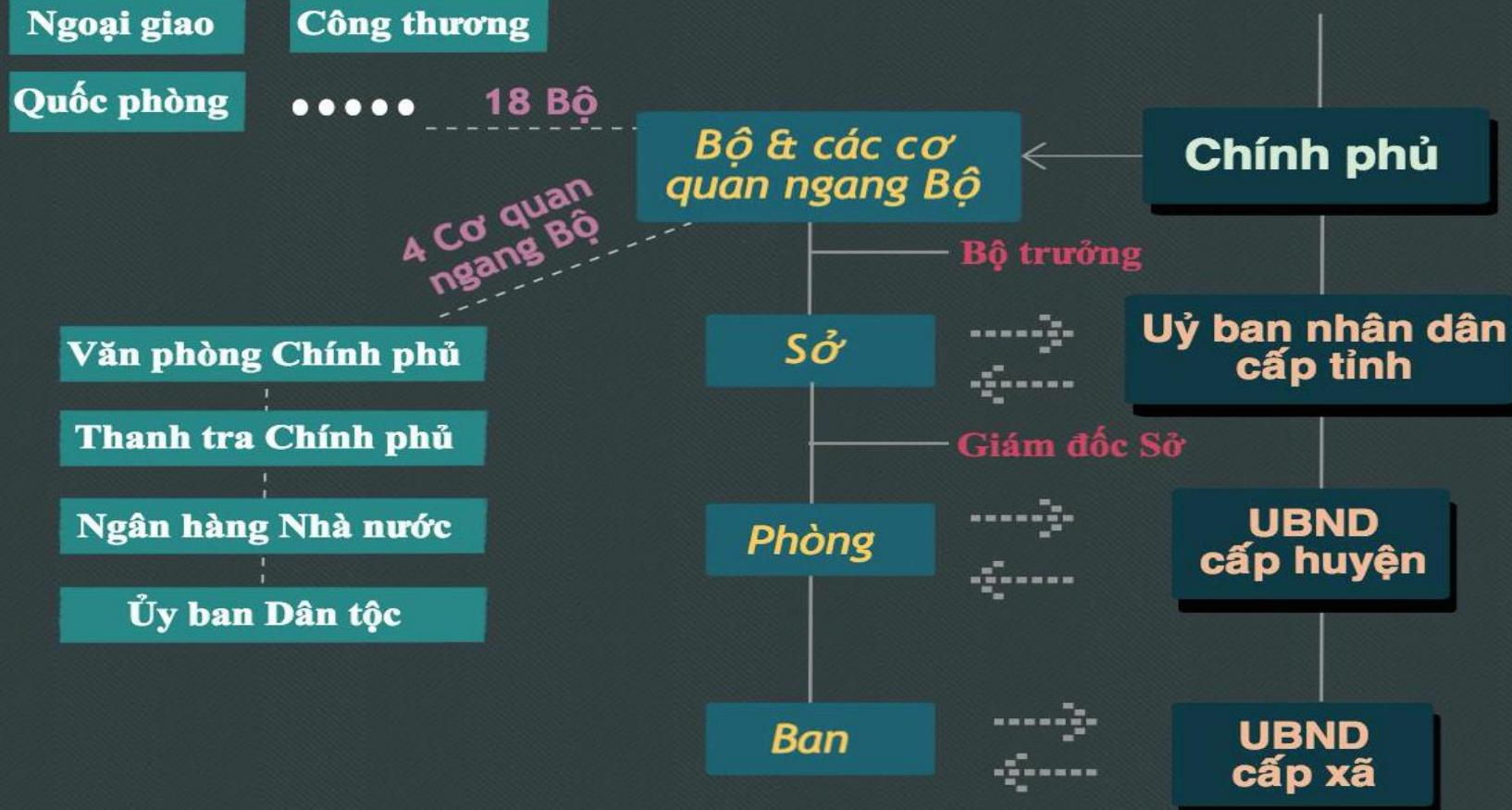
CHÍNH PHỦ VIỆT NAM

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM



CHÍNH PHỦ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM





CHÍNH PHỦ VIỆT NAM NHIỆM KỲ 2016-2021

từ tháng 4/2021



Phạm Minh Chính (1958)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ



Đồng chí: **Trương Hòa Bình**
Năm sinh: 1955
Chức vụ: PHÓ THỦ TƯỚNG



Đồng chí: **Vũ Đức Đam**
Năm sinh: 1963
Chức vụ: PHÓ THỦ TƯỚNG



Đồng chí: **Lê Minh Khái**
Năm sinh: 1964
Chức vụ: PHÓ THỦ TƯỚNG



Đồng chí: **Phạm Bình Minh**
Năm sinh: 1959
Chức vụ: PHÓ THỦ TƯỚNG



Đồng chí: **Lê Văn Thành**
Năm sinh: 1962
Chức vụ: PHÓ THỦ TƯỚNG



Đồng chí: **Nguyễn Hồng Diên**
Năm sinh: 1965
Chức vụ: BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG



Đồng chí: **Nguyễn Chí Dũng**
Năm sinh: 1960
Chức vụ: BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ



Đồng chí: **Phan Văn Giang**
Năm sinh: 1960
Chức vụ: BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG



Đồng chí: **Đào Ngọc Dung**
Năm sinh: 1962
Chức vụ: BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH & XÃ HỘI



Đồng chí: **Huỳnh Thành**
Năm sinh: 1962
Chức vụ: BỘ TRƯỞNG BỘ HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Đồng chí: **Tô Lâm**
Năm sinh: 1957
Chức vụ: BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN



Đồng chí: **Trần Hồng Hà**
Năm sinh: 1963
Chức vụ: BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Đồng chí: **Lê Minh Hoan**
Năm sinh: 1961
Chức vụ: BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



Đồng chí: **Nguyễn Thị Hồng**
Năm sinh: 1968
Chức vụ: THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM



Đồng chí: **Nguyễn Mạnh**
Năm sinh: 1962
Chức vụ: BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG



Đồng chí: **Nguyễn Văn Hùng**
Năm sinh: 1961
Chức vụ: BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO & DU LỊCH



Đồng chí: **Hầu A Lènh**
Năm sinh: 1973
Chức vụ: BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC



Đồng chí: **Nguyễn Thành Long**
Năm sinh: 1966
Chức vụ: BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ



Đồng chí: **Lê Thành Long**
Năm sinh: 1963
Chức vụ: BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP



Đồng chí: **Nguyễn Thành**
Năm sinh: 1976
Chức vụ: BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG



Đồng chí: **Ho Đức Phớc**
Năm sinh: 1963
Chức vụ: BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH



Đồng chí: **Bùi Thành Sơn**
Năm sinh: 1962
Chức vụ: BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO



Đồng chí: **Trần Văn Sơn**
Năm sinh: 1961
Chức vụ: BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ



Đồng chí: **Nguyễn Kim Sơn**
Năm sinh: 1966
Chức vụ: BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Đồng chí: **Nguyễn Văn Tuấn**
Năm sinh: 1966
Chức vụ: BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG VĂN TÀI



Đồng chí: **Phạm Thị Thành Trà**
Năm sinh: 1964
Chức vụ: BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ



Đồng chí: **Đoàn Hồng Phong**
Năm sinh: 1963
Chức vụ: TỔNG THANH TRA CHÍNH PHỦ

TÒA ÁN NHÂN DÂN, VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

Tòa án nhân dân

Chức năng: xét xử

Thẩm quyền: thực hiện quyền tư pháp

Nhiệm vụ:

- Bảo vệ công lý,
- Bảo vệ quyền con người, quyền công dân,
- Bảo vệ chế độ XHCN,
- Bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.



TAND Tối cao



TAND cấp cao
(Hà Nội, Đà Nẵng, TPHCM)



TAND cấp tỉnh



TAND cấp huyện

Tòa án Quân sự TW



TAQS quân khu và tương đương



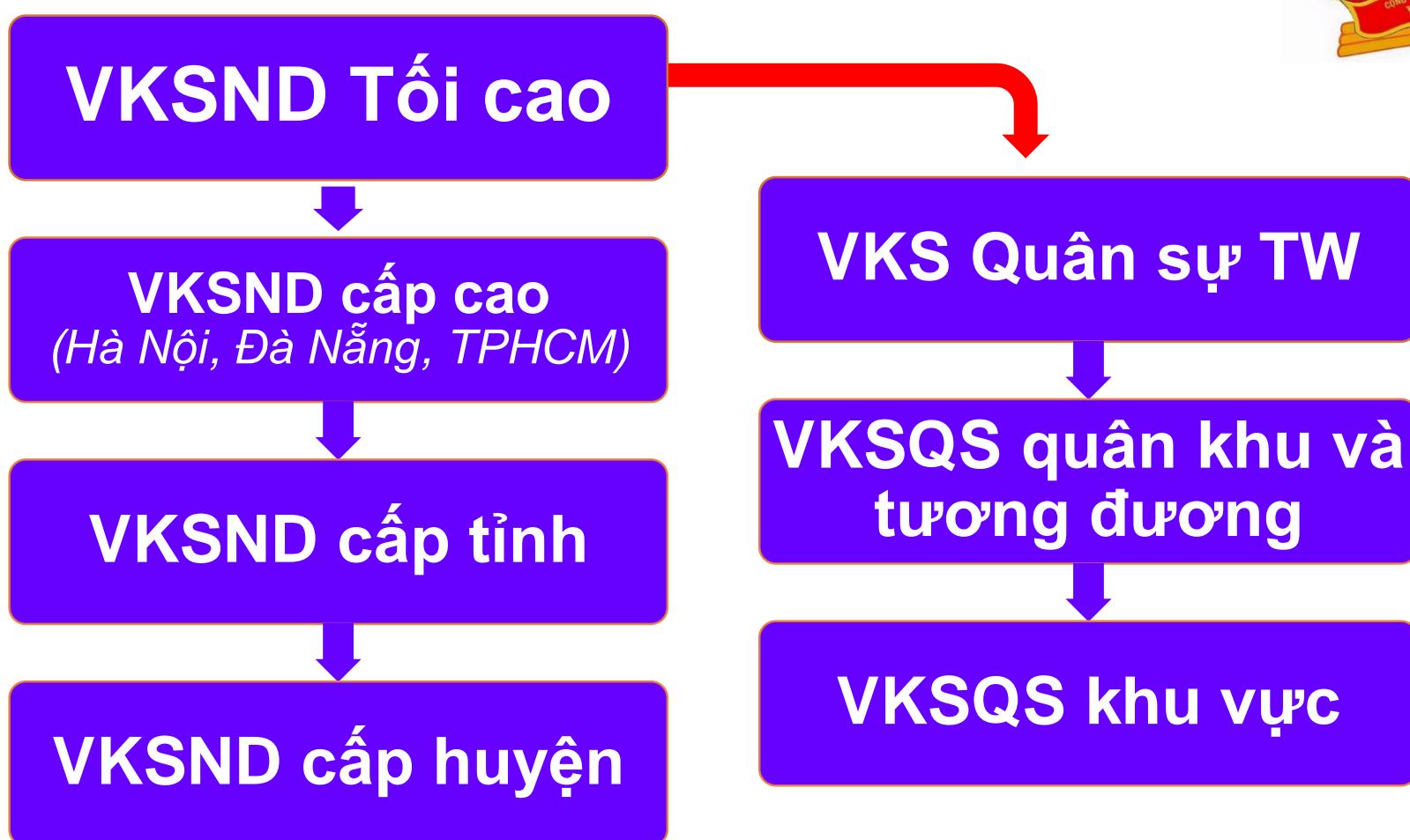
TAQS khu vực

Viện kiểm sát nhân dân

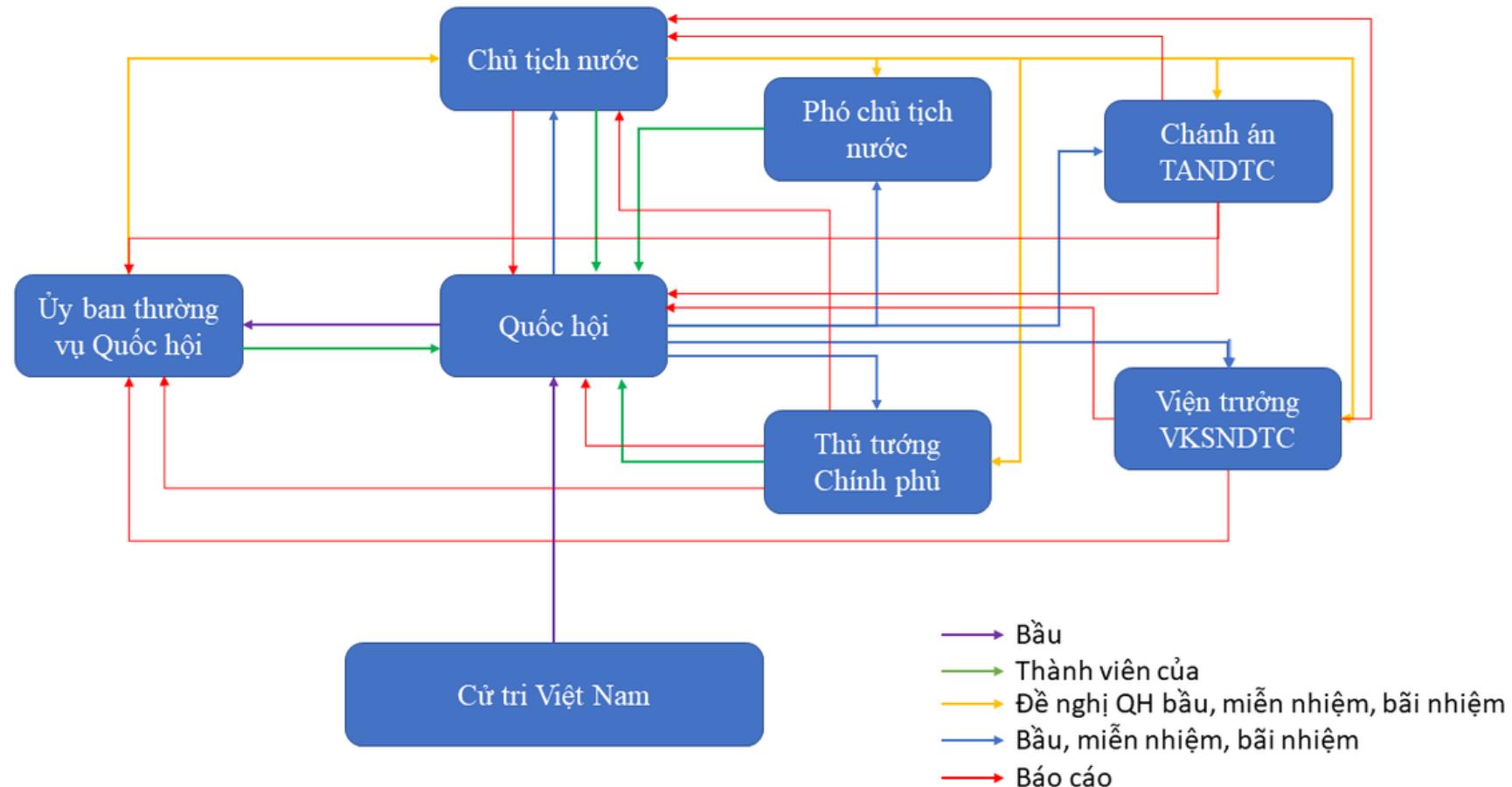
Chức năng: thực hiện quyền công tố và
kiểm sát hoạt động tư pháp
Thẩm quyền: thực hiện quyền tư pháp

Nhiệm vụ:

- Bảo vệ pháp luật,
- Bảo vệ quyền con người, quyền công dân,
- Bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa,
- Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân



QUY TRÌNH BẦU CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO NHÀ NƯỚC



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

(Điều 111 HP 2013 và Điều 2 Luật TCCQĐP)

- Cấp chính quyền địa phương gồm có HĐND và UBND.
- Chính quyền địa phương được tổ chức ở các đơn vị hành chính.

Chính quyền địa
phương

HĐND

UBND

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Hội đồng nhân dân (Điều 113)

là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương

đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của
Nhân dân,

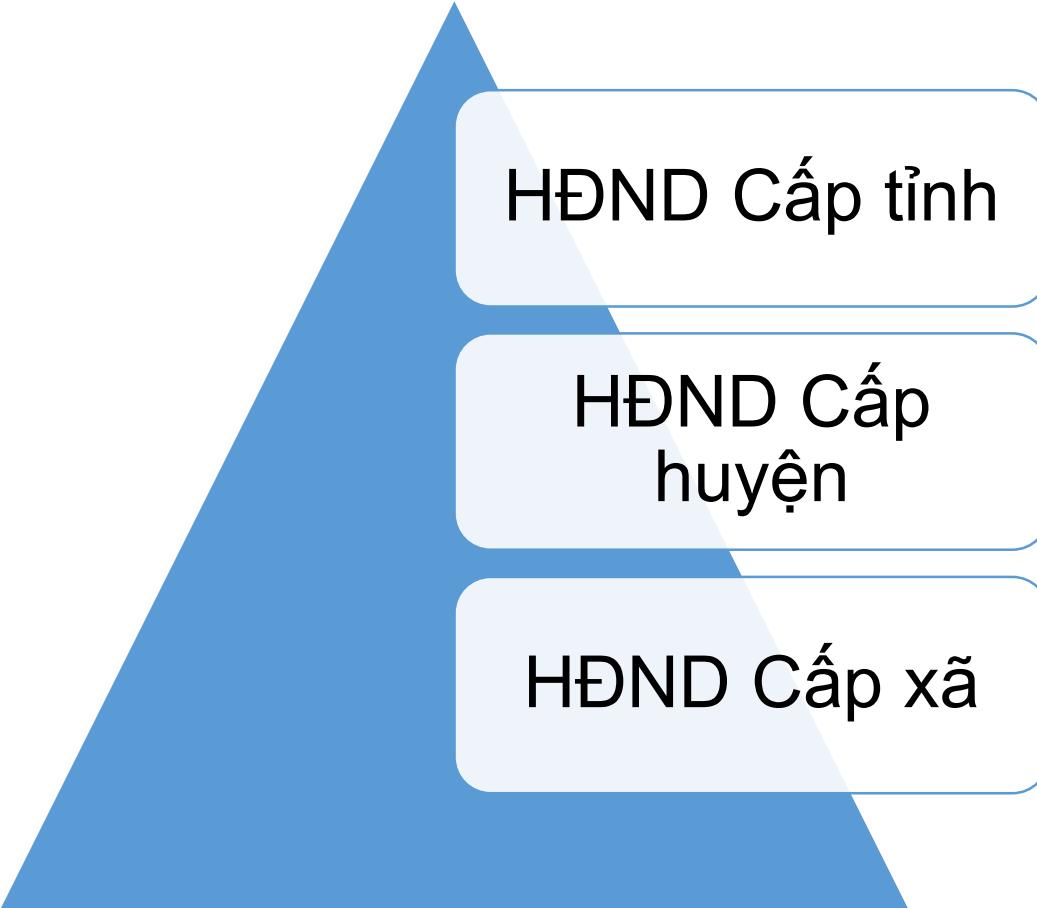
do Nhân dân địa phương bầu ra,

chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ
quan nhà nước cấp trên.

quyết định các vấn đề của địa phương do luật định;

giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa
phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng
nhân dân

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN



HĐND Cấp tỉnh

HĐND Cấp
huyện

HĐND Cấp xã

ỦY BAN NHÂN DÂN

ỦY BAN NHÂN DÂN (Điều 114)

Là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương

là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân

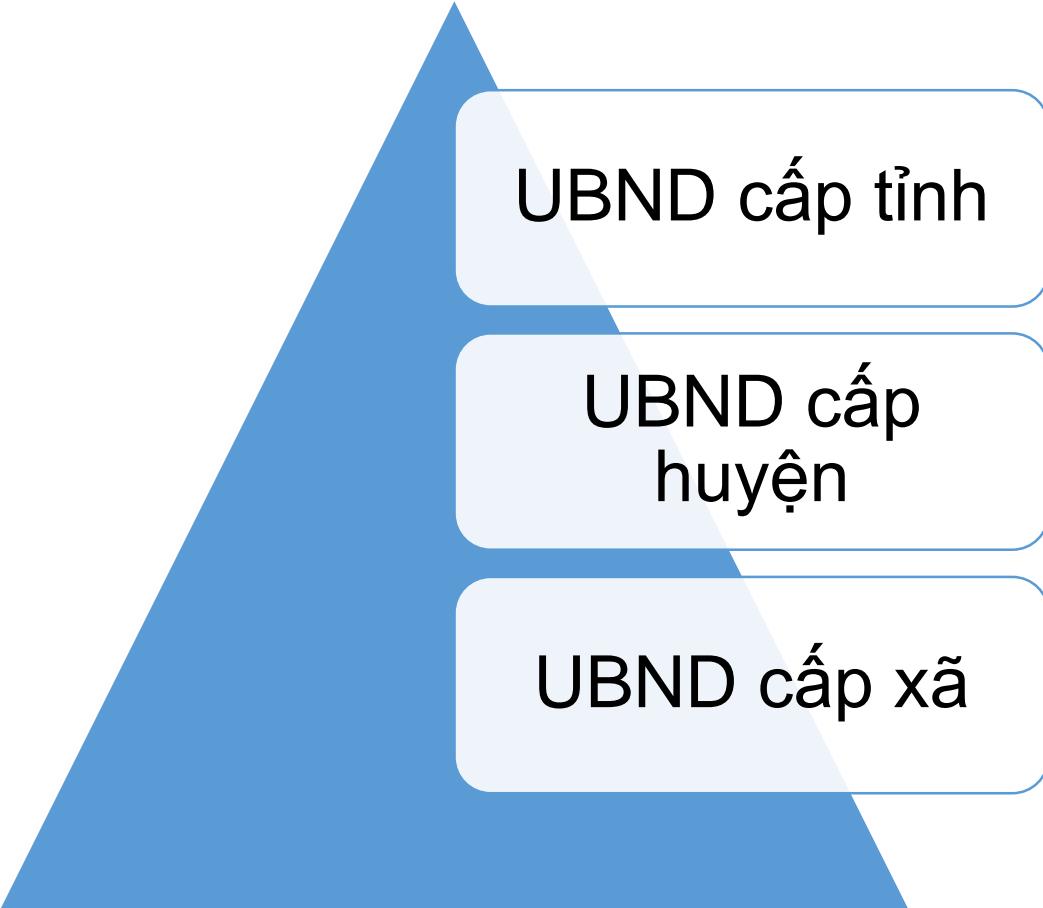
do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu

chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên

tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương

tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ do CQNN cấp trên giao

ỦY BAN NHÂN DÂN



UBND cấp tỉnh

UBND cấp
huyện

UBND cấp xã

Hội đồng bầu cử quốc gia

1. Là cơ quan do Quốc hội thành lập.
2. Nhiệm vụ tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội; chỉ đạo và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Kiểm toán Nhà nước

1. Là cơ quan do Quốc hội thành lập,
2. Hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật,
3. Thực hiện kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công.
4. Tổng Kiểm toán nhà nước là người đứng đầu Kiểm toán nhà nước, do Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Kiểm toán nhà nước do luật định.

4. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

(Chương II. Từ Điều 14 – đến Điều 49)

4.1 Khái niệm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản công dân

Quyền con người là

những nhu cầu, lợi ích tự nhiên, vốn có và khách quan của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế.

Quyền con người

Là quyền tự nhiên cơ bản của con người,

Không thể bị tước đoạt, chiếm giữ bởi bất cứ ai và bất cứ thế lực nào.

Quyền con người:

áp dụng cho chủ thể là con người:

công dân Việt Nam,

người nước ngoài (người có quốc tịch nước ngoài và người không có quốc tịch)

Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

là những quyền và nghĩa
vụ cơ bản nhất, quan
trọng nhất, thiết yếu nhất
của công dân
được Hiến pháp ghi nhận
và bảo vệ.

Quyền công dân: chỉ áp
dụng cho công dân Việt
Nam.

Quyền công dân luôn đi
kèm **nghĩa vụ công dân**

4.2 Các nguyên tắc hiến định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân (Đ 14-18)

1. Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật.
2. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức, sức khỏe của cộng đồng.
3. Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân.

QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN

4.2 Các nguyên tắc hiến định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân (Đ 14-18)

4. Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác.
5. Công dân có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội.
6. Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.
7. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.

4.2 Các nguyên tắc hiến định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân (Đ 14-18)

8. Công dân Việt Nam không thể bị trục xuất, giao nộp cho nhà nước khác. Công dân Việt Nam ở nước ngoài được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo hộ.
9. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khuyến khích và tạo điều kiện để người Việt Nam định cư ở nước ngoài giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, giữ quan hệ gắn bó với gia đình và quê hương, góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

4.3. Các nhóm quyền

1. Các quyền về Dân sự, chính trị
2. Các quyền về kinh tế, văn hoá, xã hội
3. Các quyền về lao động, học tập, quyền nhân thân
4. Các quyền tự do dân chủ và tự do cá nhân

QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN

Các nhóm quyền

(Xem chương 2 Hiến pháp 2013)

1. Các quyền về Dân sự, chính trị
2. Các quyền về kinh tế, văn hóa, xã hội
3. Các quyền về lao động, học tập, quyền nhân thân
4. Các quyền tự do dân chủ và tự do cá nhân

Các nhóm quyền con người

- Các quyền về Dân sự, chính trị: Điều 16, 18, 19, 20, 21, k2 Điều 22, 24, 30, 31.
- Các quyền về kinh tế, văn hóa, xã hội: Điều 32, 33, 35, 36, 37, 38, 40, 41, 43, 48 và 49

Các nhóm nghĩa vụ của con người:

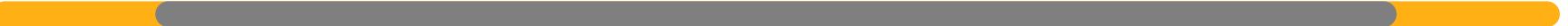
- Nghĩa vụ bảo vệ môi trường: Điều 43, khoản 3 Điều 63
- Nghĩa vụ nộp thuế: Điều 47
- Nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam: Điều 46, 48

Các nhóm quyền công dân

- Các quyền về Dân sự, chính trị: Điều 28, 27, 30, 25, 24, 20, 22, 21, 23.
- Các quyền về kinh tế, văn hoá, xã hội: Điều 35, 33, 39, 38, 22, 26, 36, khoản 1 Điều 37, 34, 42, 43, 41

Các nhóm nghĩa vụ của công dân

- Nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc: Điều 44
- Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc: Điều 45
- Nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân: khoản 2 Điều 45
- Nghĩa vụ tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội: Điều 46
- Nghĩa vụ chấp hành các quy tắc sinh hoạt công cộng: Điều 46
- Nghĩa vụ bảo vệ môi trường: Điều 43
- Nghĩa vụ nộp thuế: Điều 47
- Nghĩa vụ học tập: Điều 39
- Nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam: Điều 46



THANK YOU!